

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 9: TRONG THỂ GIỚI VIỄN TƯỢNG (TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỢNG)

.....
Môn: Ngữ văn 7 - Lớp:

Số tiết: 14 tiết

MỤC TIÊU CHUNG BÀI 9

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện;
- Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).
- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.
- Biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.
- Viết đoạn văn tóm tắt văn bản theo yêu cầu độ dài khác nhau.
- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.
- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

TIẾT 1 : GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được các văn bản truyện khoa học viễn tưởng để thấy được các đặc điểm của thể loại này như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

1. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của thể loại khoa học viễn tưởng.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Thiết kế bài giảng;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
2. **Nội dung:** HS chia sẻ hiểu biết cơ bản về khoa học viễn tưởng.

3. **Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**
 - GV cho HS xem 1 đoạn video về khoa học viễn tưởng và đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Nội dung của đoạn video? Em hãy kể tên một số văn bản, bộ phim khoa học viễn tưởng tương tự mà em biết?
 - HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ hiểu biết của mình
 - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Tiết học này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về truyện khoa học viễn tưởng.

HD 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

1. **Mục tiêu:** Hiểu được nội dung của bài học.
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giới thiệu: Tiết học của chúng ta hôm nay tìm hiểu về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng. Tiết học này thuộc vào chủ điểm *Trong thế giới viễn tưởng*. Trong chủ điểm này, các em sẽ được học các tập trung là các văn bản khoa học viễn tưởng. Vì vậy việc tìm hiểu về đặc điểm của thể loại này là điều cần thiết. Sau đây chúng ta cùng đi vào bài học.

HS lắng nghe

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

1. **Mục tiêu:** Hiểu được các khái niệm về truyện khoa học viễn tưởng, một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Phiếu học tập :

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 3 nhóm lớn, yêu cầu các nhóm thảo luận tìm hiểu một số khái niệm theo phiếu học tập:

Truyện khoa học viễn tưởng						
Khái niệm	Đề tài	Sự kiện	Tình huống	Cốt truyện	Nhân vật	Không gian, thời gian

Nhóm 1: về truyện khoa học viễn tưởng, một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện,

Nhóm 2: về tình huống, cốt truyện

Nhóm 3: nhân vật, không gian, thời gian

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

--	--	--	--	--	--	--

Truyện khoa học viễn tưởng là loại truyện hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định, dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả. Truyện khoa học viễn tưởng có các đặc điểm như sau:

– *Đề tài:* đa dạng, phong phú thường gắn với các phát minh khoa học, công nghệ như: chế tạo được liệu, khám phá đáy đại dương, du hành vũ trụ, gặp người ngoài hành tinh,...

– *Cốt truyện:* thường được xây dựng dựa trên các sự việc giả tưởng liên quan đến các thành tựu khoa học.

– *Tình huống truyện:* tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn hay mâu thuẫn cần phải giải quyết trong thế giới giả tưởng.

– *Sự kiện:* thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định (quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ,...).

– *Nhân vật:* trong truyện thường xuất hiện các nhân vật như người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường, những nhà khoa học, nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ.

– *Không gian, thời gian:* mang tính giả định, chẳng hạn thời gian trộn lẫn từ quá khứ, hiện tại và tương lai; không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển,...

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

2. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

3. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

4. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

5. **Tổ chức thực hiện:**

5. - *GV yêu cầu HS:* lựa chọn một truyện khoa học viễn tưởng mà em biết, chỉ ra các yếu tố đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gần với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

1. HỒ SƠ DẠY HỌC

Phiếu học tập :

Truyện khoa học viễn tưởng						
Khái niệm	Đề tài	Sự kiện	Tình huống	Cốt truyện	Nhân vật	Không gian, thời gian

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

ĐỌC VĂN BẢN

TIẾT 2+ 3: VĂN BẢN 1. DÒNG “SÔNG ĐEN”

Giuyn Véc-nơ (Jules Verne)

A. MỤC TIÊU

I. Về kiến thức

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện;

- Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).
- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.

II. Năng lực

1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Dòng sông đen*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Dòng sông đen*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản ý nghĩa văn bản; tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba); đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

III. Phẩm chất:

- Cảm nhận và yêu thích truyện viễn tưởng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Thiết kế bài giảng;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
- Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV cho HS xem một clip về quá trình tàu ngầm khám phá đại dương
 - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Từ đoạn video em hãy tưởng tượng em ở trong phòng khách của một tàu ngầm và tàu đang lặn xuống đáy biển, hãy cho biết em nhìn thấy điều gì? Cùng tâm trạng với em những nhân vật như Giáo sư A-rô-nắc, cùng Công-xây, Nét Len trong văn bản *Dòng "Sông Đen"* được trích từ tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển*

của Giuyn Véc-nơ cũng được trải nghiệm dưới lòng đại dương những ngày đầu của hành trình hai vạn dặm dưới biển trên con tàu Nau-ti-lotx. Cuộc hành tinh thám hiểm của họ diễn ra như thế nào thì cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu văn bản trong tiết học ngày hôm nay.

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

1.Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm (đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn)

2.dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3.Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

4.Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS: Chú ý vào SGK T74 và trình bày hiểu biết về tác giả, tác phẩm của văn bản Dòng sông đen.
- GV giải nghĩa một số từ khó cần lưu ý khi đọc văn bản

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kiến thức về tác giả, tác phẩm, chuẩn bị trình bày trước lớp.
- HS đọc bài trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức về tác giả, tác phẩm.
- GV giải thích nghĩa của các từ khó.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả

Giuyn Véc-nơ (1828 – 1905) tên đầy đủ là Giuyn Ga-bri-en Véc-nơ (Jules Gabriel Verne), sinh tại Nan-tơ (Nantes), Pháp. Ông là nhà văn tiên phong trong thể loại truyện khoa học viễn tưởng và được xem là “cha đẻ” của loại truyện này.

2. Tác phẩm

- Những tập thơ tiêu biểu: *Hành trình vào tâm Trái Đất*, *Hai vạn dặm dưới biển*, *Vòng quanh thế giới trong 80 ngày*,...

- *Hai vạn dặm dưới biển* xuất bản năm 1870, được xem là truyện khoa học viễn tưởng kinh điển.

- Vị trí đoạn trích: nằm trong chương 14

- Đọc - kể tóm tắt

Truyện xoay quanh cuộc sống của Nét Len, giáo sư A-rô-nắc và Công-xây khi họ bị rơi xuống biển và được tàu Nau-ti-lút cứu. Họ đã xảy ra cuộc mâu thuẫn khi họ đi vào hải lưu của dòng "Sông đen" về kế hoạch chạy trốn hay là cùng nhau quan sát, tìm hiểu những điều hay ho dưới đáy biển này. Được chứng kiến tận mắt những cảnh đẹp mê hồn đó, dường như mỗi người đều thả hồn, chăm chú, đầy thích thú với cảnh vật mà quên đi cuộc tranh luận trước đó và họ dần hiểu ra thế giới đặc biệt với những bí mật thâm kín của người thuyền trưởng đầy bí ẩn Nê-mô.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện;

2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS

NV1:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nêu bố cục của văn bản.

Câu hỏi 1: Dựa vào hành trình mà giáo sư A-rô-nắc đã kể, em hãy giải thích tại sao tác giả lại đặt tên chương này là Dòng "Sông Đen"?

Câu hỏi 2: Có mấy lượt thoại giữa giáo sư A-ro-nắc và Nét Len?

Câu hỏi 3: Qua 5 lượt thoại giữa giáo sư A-rô-nắc và Nét Len, em thấy họ có ý kiến như thế nào về thuyền trưởng Nê-mô và việc ở lại con tàu Nau-ti-lux?

Câu hỏi 4: Tìm chi tiết miêu tả vẻ đẹp của đáy biển qua cửa kính của con tàu Nau-ti-lux. Em hình dung như thế nào về cảnh được miêu tả?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận theo cặp, dựa vào gợi ý của GV để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

II. Khám phá văn bản

Câu trả lời của học sinh:

1. Tác giả đặt tên chương này là Dòng "Sông Đen" vì hải lưu họ đi có tên Nhật Bản là Cu-rô-xi-ô (Kuroshio), nghĩa của từ kuroshio là đen, và nó là hình ảnh của màu lam sẫm của nước biển ở đó.

2. 5 lượt thoại

3.

- Nét-len không kiềm chế được bản thân nên đã nóng giận và cho rằng ý kiến mà giáo sư A-rô-nắc đưa ra là điên rồ, không hợp lí. Càng lo lắng hơn về việc mình ở lại con tàu này.

- Trái với Nét-len, giáo sư A-rô-nắc lại cảm thấy như mình sẽ biết thêm được điều gì thú vị nếu nhưng ông quan sát và tìm hiểu, bình tĩnh, tận hưởng trong con tàu.

4. Những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của đáy biển qua cửa kính của con tàu Nau-ti-lux:

- Quang cảnh trước mắt tôi đẹp tuyệt vời, không bút nào tả xiết.

- Chẳng bàn tay họa sĩ nào vẽ được tất cả cái dịu dàng của màu sắc, của ánh sáng lung linh trong nước biển trong vắt từ đáy lên.

- Bóng tối trong phòng càng tăng thêm ánh sáng rực rỡ bên ngoài.

- Nhìn qua ô cửa, ta có cảm tưởng như đứng trước một bể nuôi cá khổng lồ.

=> cảnh đẹp lung linh như tranh vẽ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:

Đề tài	Sự kiện	Tình huống	Nhân vật	Không gian, thời gian

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

III. Suy ngẫm và phản hồi

Đề tài	Sự kiện	Tình huống	Nhân vật	Không gian, thời gian
Những ngày đầu của hành trình hai vạn dặm dưới biển trên con tàu Nau-ti-lúc.	- Suy nghĩ về thuyền trưởng Nê-mô. - Cuộc tranh cãi giữa giáo sư với Nét-len. - Thích thú, say mê trước cảnh đẹp dưới lòng đại dương.	Cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nắc và Nét-len trong con tàu Nau-ti-lúc của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương.	giáo sư A-rô-nắc, Nét-len, Công-xây	- Không gian: dưới lòng đại dương. - Thời gian: giả định.

NV3:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận theo cặp:

Câu hỏi 4: Tác giả để cho giáo sư A-rô-nắc và Nét Len tranh luận về vấn đề gì? Em có đồng ý với cách giải quyết mâu thuẫn giữa hai nhân vật này của tác giả không? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV đánh giá, chốt kiến thức.

- Tác giả để cho giáo sư A-rô-nắc và Nét Len tranh luận về kế hoạch muốn bỏ trốn của Nét-len và sự muốn tìm tòi khám phá đại dương của giáo sư.
- Em đồng ý với cách giải quyết mâu thuẫn giữa hai nhân vật này của tác giả vì trước cảnh đẹp đến nao lòng, các nhân vật đã bộc lộ được sự thích thú của mình mà quên đi cuộc mâu thuẫn trước đó.

NV4:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Tim trong văn bản một số chi tiết về nhân vật Nê-mô và điền vào cột thứ 2 của bảng sau (làm vào vở):

Nhân vật Nê-mô	Biểu hiện qua các chi tiết
Cử chỉ, hành động của Nê-mô	
Thái độ của A-rô-nắc về Nê-mô	
Thái độ của Nét Len về Nê-mô	

Từ những chi tiết đó, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật Nê-mô?

Nhân vật Nê-mô	Biểu hiện qua các chi tiết
Cử chỉ, hành động của Nê-mô	Đón tiếp 3 người họ lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo.
Thái độ của A-rô-nắc về Nê-mô	Suy nghĩ rất nhiều và cảm thấy khó hiểu về ông Nê-mô
Thái độ của Công-xây về Nê-mô	Gọi ông Nê-mô là một thiên tai “bị người đời hắt hủi”
Thái độ của Nét Len về Nê-mô	Hỏi A-rô-nắc về lai lịch, ý đồ của ông Nê-mô.

Tàu Mau-ti-lux được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng, trong khi vào thời điểm tác phẩm ra đời, điện năng chưa phải là năng lượng chủ yếu trong công nghiệp. Tàu Nau-ti-lux có thể lặn xuống bất cứ độ sâu nào mà không bị vỡ cửa kính.

Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu thêm điều gì về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?

Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lux cho em thấy truyện khoa học viễn tưởng được viết theo thể hư cấu về một điều giả định được dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện.

III. Tổng kết
1. Nghệ thuật

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

2. Nội dung

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

2. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

3. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

4. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

5. **Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS kể tóm tắt lại văn bản *Dòng sông đen*, từ đó khái quát lại một số đặc điểm của truyện viễn tưởng.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

1. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

2. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức bằng hình thức trò chơi Cướp biển vùng Ca-ri-bê, Kể một câu chuyện khoa học viễn tưởng mà em biết

3. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

4. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS / kết quả trò chơi

5. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS tham gia trò chơi
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá

- Hình thức hỏi – đáp -
Thuyết trình sản phẩm,
trò chơi

Phương pháp đánh giá

- Phù hợp với mục tiêu, nội dung
- Hấp dẫn, sinh động
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học
- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học

Công cụ đánh giá

- Báo cáo thực hiện công việc.
- Phiếu học tập
- Hệ thống câu hỏi và bài tập
- Trao đổi, thảo luận

Ghi chú

2. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập 1:

Đề tài	Sự kiện	Tình huống	Nhân vật	Không gian, thời gian

- Phiếu học tập 2

Nhân vật Nê-mô	Biểu hiện qua các chi tiết
Cử chỉ, hành động của Nê-mô	
Thái độ của A-rô-nác về Nê-mô	
Thái độ của Nét Len về Nê-mô	

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

Giáo viên: Lý Thị Thanh Thảo - UK Academy Bình Thạnh

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: XUỞNG SÔ-CÔ-LA (CHOCOLATE) (02 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi học, học sinh sẽ

1. Về kiến thức

Củng cố kiến thức về truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

2. Về năng lực

* Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học.

* Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại.
- Nêu được bài học về cách nghĩ của cá nhân do văn bản gợi ra.

3. Về phẩm chất:

Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- SHS, SGV.

-Máy chiếu, bảng, phấn, giấy A4, A0

-Phiếu học tập, bảng kiểm...

2. Học liệu

- Tri thức đọc hiểu

- Văn bản: Xưởng sô-cô-la (chocolate)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')

Mục tiêu:

- Tạo tâm thế cho học sinh trước khi đọc văn bản.
- Giới thiệu văn bản “Xưởng sô-cô-la (chocolate).

Nội dung: Đố vui về chocola

Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chiếu câu hỏi/ đọc câu hỏi

HS lắng nghe và trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Ý tưởng: Thiết kế trò chơi “Sô-cô-la ngọt ngào”

Trò chơi: Thiết kế trò chơi giống như trò đào vàng, “mỗi cục vàng” là một nguyên liệu để làm sô-cô-la (cacao, đường, sữa bột, vani, muối), để có được nguyên liệu thì học sinh phải trả lời các câu hỏi đính kèm. Dưới đây là bộ câu hỏi gợi ý.

GV đánh giá câu trả lời của học sinh và dẫn vào bài học “Xưởng sô-cô-la”.

Câu hỏi 1. Loại quả nào dưới đây được dùng làm nguyên liệu chính để sản xuất sô-cô-la?

A**B****C**

Câu hỏi 2. Thanh chocolate đầu tiên ra đời tại quốc gia nào?

- A. Pháp
- B. Mỹ
- C. Anh

Năm 1847, Joseph Fry, một nhà sản xuất chocolate người Anh, đã tìm ra phương thức đổ khuôn chocolate bằng kỹ thuật trộn bột cacao và đường chung với bơ cacao tan chảy thay vì với nước nóng. Thanh chocolate đầu tiên đã được đúc tại nhà máy sản xuất chocolate của Joseph Fry ở thành phố Bristol (Anh)

Câu hỏi 3. Đất nước nào lựa chọn ngày 14/2 là “Ngày Chocolate Quốc gia”?

- A. Ghana
- B. Brazil
- C. Romania

Ghana là một trong những nước xuất khẩu cacao lớn nhất thế giới. Bắt đầu từ ngày 14/2/2007, ngày Valentine được xem là "Ngày Chocolate Quốc gia". Trong ngày này, các cửa hàng, bảo tàng trên khắp quốc gia châu Phi này đều trưng bày các mẫu chocolate đẹp. Mọi người ăn mừng ngày lễ bằng các hoạt động như mặc đồ màu đỏ, thưởng thức các món theo chủ đề chocolate, tặng chocolate, hoa và quà cho những người thân yêu.

Câu hỏi 4. Tìm mảnh ghép còn thiếu cho kẹo socola



2. HD 2: Hình thành kiến thức mới (65')

2.1 TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN VÀ TÓM TẮT ĐOẠN TRÍCH (20 phút)

Mục tiêu:

- Học sinh đọc văn bản và tóm tắt được những sự việc chính mà Sác-li trải qua khi tham quan xưởng sô-cô-la

Nội dung:

- HS đọc văn bản và trả lời *câu hỏi trong khi đọc* và *câu hỏi 4* trong phần *suy nghĩ và phản hồi* để tóm tắt được những sự việc chính trong đoạn trích.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS, câu trả lời ghi trên giấy.

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: NV 1: Trải nghiệm cùng văn bản – tìm hiểu tác giả, tác phẩm	1. Tác giả 2. Tác phẩm

+ GV yêu cầu HS đọc phần tác giả, tóm tắt truyện

“xưởng sô-cô-la” và các chú thích. Sau đó GV giảng thêm về tác giả.

+ GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp đọc, cách đọc tên nhân vật, địa danh. Yêu cầu HS nêu cách đọc, giọng đọc của vai HS được đảm nhiệm và tiến hành đọc phân vai: người dẫn truyện, ông Quơn-cơ, Sác-li, ông nội Châu, Vơ-ni-ca Sot

Lưu ý:

- Người dẫn truyện:
- Ông Quơn-cơ: giọng vui vẻ, đầy tự hào.

- Sác-li: giọng phấn khích

+ GV phát vấn yêu cầu HS trả lời 3 câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS lắng nghe hướng dẫn đọc, suy nghĩ cách đọc, giọng đọc của từng nhân vật và tiến hành đọc phân vai.

+ Cá nhân HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi *trải nghiệm cùng văn bản*

B3: Báo cáo, thảo luận

+ GV mời HS đọc phân vai và một vài hs trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản.

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét cách đọc đối với từng nhân vật, nhận xét câu trả lời *phần trải nghiệm cùng văn bản*.

NV 2: Tóm tắt đoạn trích

+ GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi 4/SGK thông qua phiếu học tập 1 và câu hỏi 1 SGK.

+ Trao đổi phiếu học tập 1 với bạn bên cạnh và sửa bài cho nhau dựa trên phần chốt trên màn hình của GV.

- Phần định hướng thực hiện yêu cầu 4/SGK – Tóm tắt

+ Ông Quơn-cơ dẫn 5 đứa trẻ và 9 người lớn đến thăm nhà máy sô-cô-la.

+ Ông đầy tự hào khi giới thiệu về dòng sông, con thác, hoa, cỏ đặc biệt.

+ Sác-li, cùng ông nội và bọn trẻ ngắm dòng sông sô-cô-la khổng lồ và con thác nhào sô-cô-la.

+ Được tận mắt chứng kiến các loại cây cỏ, hoa kì lạ, vừa trồng làm đẹp phong cảnh nhà máy, vừa ăn được, có vị đường mềm, vị bạc hà rất thơm ngon.

+ Được tận mắt nhìn thấy những người công nhân tí hon Umpơ-Lumpơ.

	- Phần định hướng thực hiện yêu cầu 1/SGK – Các sự kiện có tính chất giả tưởng (phi thực tế): + Ngắm dòng sông sô-cô-la khổng lồ và con thác nhào sô-cô-la. + Được tận mắt chứng kiến các loại cây cỏ, hoa kì lạ, vừa trồng làm đẹp phong cảnh nhà máy, vừa ăn được, có vị đường mềm, vị bạc hà rất thơm ngon. + Được tận mắt nhìn thấy những người công nhân tí hon Umpơ-Lumpơ.
--	---

2.2 Tìm hiểu các yếu tố truyện khoa học viễn tưởng trong đoạn trích (15')

ND 1 Nhân vật ông Quơn-cơ

Mục tiêu:

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại.

Nội dung:

- Dựa vào văn bản, học sinh trả lời câu hỏi 2/SGK về một số chi tiết miêu tả nhân vật ông Quơn-cơ, từ đó cho biết ông Quơn-cơ thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật khoa học viễn tưởng.

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV phát PBT và yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 HS. + Yêu cầu đại diện nhóm trình bày. B2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận nhóm 4HS hoàn thành PBT.	

B3: Báo cáo, thảo luận + GV mời đại diện nhóm trình bày. B4: Kết luận, nhận định + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện. + GV chốt lại kiến thức trọng tâm	
---	--

Phần định hướng câu trả lời

Phiếu bài tập 2. Nhân vật ông Quơn-cơ		
Thời điểm	Thái độ	Hành động
Khi giới thiệu với mọi người về tầm quan trọng của xưởng sô-cô-la	- Nhấn mạnh đây là trung tâm thần kinh, trái tim của nhà máy. - Khẳng định ông chú trọng làm cho xưởng sô-cô-la phải đẹp. - Nhắc bọn trẻ đừng quá phấn khích.	- Vừa nói vừa lấy chùm chìa khóa, mở xưởng nhà máy sô-cô-la cho 5 trẻ em và 9 người lớn tham quan.
Khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế củ, hoa có thể ăn được.	- Tự hào giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp, nét độc đáo của củ, hoa đều ăn được. - Giọng đầy trù mến, mời mọi người nếm thử hoa, củ.	- Giơ chiếc can ra chỉ vào các bụi cây, cánh đồng củ, và hoa.
Nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng là người có khả năng phi thường, có thể tạo ra những điều kì diệu.		

2. ND 2. Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng. (30')

Mục tiêu:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

Nội dung: - Dựa vào tri thức đọc hiểu và văn bản, học sinh trả lời câu hỏi 1,3,5,6/SGK về sự kiện, đề tài, không gian, tình huống.	
Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện yêu cầu: - Xác định đề tài của văn bản. - Không gian được miêu tả trong văn bản có gì đặc biệt? - Nhân vật trong câu chuyện được đặt vào tình huống như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân, ghi câu trả lời vào phiếu bài tập 2. Thời gian khoảng 15 phút. - Sau đó, học sinh bắt cặp trao đổi kết quả với bạn. Thời gian: 5 phút. B3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện một số cặp trình bày với cả lớp. B4: Kết luận, nhận định	- Đề tài: Truyện khoa học viễn tưởng thường xoay quanh đề tài: ứng dụng/ phát minh khoa học. Đề tài của văn bản là: ứng dụng khoa học trong xây dựng nhà máy sản xuất sô-cô-la. - Điểm đặc biệt của không gian trong xưởng sô-cô-la của ông Quơn-cơ + Không gian nhà máy được chia thành nhiều xưởng riêng, mỗi xưởng đóng một vai trò khác nhau và xưởng nào cũng có yếu tố kì lạ, khác thường, ví dụ như xưởng sô-cô-la có một dòng sông lớn, có thác nhưng không chứa nước mà chứa sô-cô-la. + Không gian nhà máy đẹp, nên thơ, được chăm chút mọi cảnh quan, phối hợp màu sắc hài hòa: xưởng sản xuất kẹo nhưng có cả dòng sông, con thác, hoa, cỏ. Tất cả đều ăn được. + Không gian nhà máy đồ sộ, khổng lồ, chứa đựng nhiều điều bất ngờ: công nhân là người tí hon, cây cỏ vừa dùng trang trí vừa ăn được. - Nhân vật được đặt trong tình huống: tham gia cuộc phiêu lưu vào một nhà

	máy sô-cô-la kì lạ và chứa nhiều bí ẩn. Tình huống này được nhà văn khắc họa thông qua một số yếu tố như nhân vật, không gian, chi tiết, cốt truyện với nhiều sự kiện bất ngờ, không thể dự đoán trước.
--	---

3. HĐ 3: Kết nối – Vận dụng (15')

a) Mục tiêu

b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu 7/ SGK: Từ câu chuyện về xưởng sô-cô-la của ông Quơn-co, em hãy viết một đoạn văn khoảng 100 chữ về sự kì diệu của trí tưởng tượng của con người.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và viết ra giấy. (viết trên nền nhạc)

B3: Báo cáo, thảo luận

GV mời 2,3 HS chia sẻ.

B4: Kết luận, nhận định

GV tổng hợp kết quả từ những chia sẻ của HS.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

B2: Thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định

Phiếu bài tập 1. Sơ đồ 5 ngón tay



Setting: bối cảnh (ở đâu & khi nào?)

Character: nhân vật (ai?)

Problem: vấn đề (điều gì đã xảy ra?)

Events: sự kiện (bắt đầu, giữa, kết thúc)

Solution: kết thúc (vấn đề được giải quyết như thế nào?)

Các sự kiện có tính chất giả tưởng (phi thực tế) mà Sác-li trải qua khi thăm xưởng sô-cô-la của ông Quơn-cơ.

Phiếu bài tập 1. Sơ đồ 5 ngón tay



Setting: bối cảnh (ở đâu & khi nào?)

Character: nhân vật (ai?)

Problem: vấn đề (điều gì đã xảy ra?)

Events: sự kiện (bắt đầu, giữa, kết thúc)

Solution: kết thúc (vấn đề được giải quyết như thế nào?)

*Các sự
kiến có
tính
chất giả
tưởng
(phi
thực tế)
mà Sác-
li trải
qua khi
thăm
xưởng
sô-cô-la
của ông
Quon-
cơ.*

.....
.....
.....
.....
.....

Phiếu bài tập 2. Nhân vật ông Quon-cơ

Thời điểm	Thái độ	Hành động
Khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới có.		
Khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của		

không gian nhà máy, về những sáng chế cở, hoa có thể ăn được.		
Nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng:		

Phiếu bài tập 3.
Câu 1. Truyện Xưởng sô-cô-la viết về đề tài gì?
Câu 2. Không gian được miêu tả trong văn bản có gì đặc biệt?
Câu 3. Nhân vật trong câu chuyện được đặt vào tình huống như thế nào?

Ngày soạn:

Giáo viên: Lý Thị Thanh Thảo – UKA Bình Thạnh

Bài 9

Đọc kết nối chủ điểm: TRÁI TIM ĐAN-KÔ (DANKO)

Môn: Ngữ văn 7 - Lớp: 7

Số tiết: 01 tiết

I. MỤC TIÊU CHUNG BÀI

2. Về kiến thức

Củng cố kiến thức về truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học.

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một chuyện kể.

- Liên hệ, kết nối với văn bản Dòng “Sông đen”, Xưởng sô-cô-la để hiểu hơn về những chủ đề Trong thế giới viễn tưởng.

3. Về phẩm chất:

Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Trước khi lên lớp:

Mục tiêu: HS đọc và tóm tắt được văn bản

Nội dung: Văn bản Trái tim Danko

Sản phẩm: Phần tóm tắt truyện của học sinh.

B. Hoạt động trên lớp

1. KHỞI ĐỘNG: Tóm tắt truyện

Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, nhắc lại phần tóm tắt truyện

Nội dung: HS sắp xếp các sự kiện để tóm tắt truyện

Sản phẩm: câu trả lời của HS

Tổ chức thực hiện: (Hoạt động cá nhân)

- Giao NVHT: GV đưa ra các sự kiện, yêu cầu HS đọc và sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự truyện.
- Thực hiện NVHT: HS sắp xếp các sự kiện theo trình tự truyện.
- Báo cáo NVHT: HS sắp xếp các sự kiện theo trình tự truyện.
- Đánh giá KQHT: HS chấm chéo dựa trên kết quả GV đưa ra.

Các sự kiện chính trong đoạn trích:

PBT 1. Em hãy sắp xếp các sự kiện dưới đây theo trình tự truyện	
STT	Các sự kiện
	- Họ tưởng anh nổi khùng lên nên đã chờ xem anh đánh lại họ, vây chặt lấy anh để dễ bề bắt và giết anh. Hiểu được ý đồ của họ, tim anh lại cháy rực hơn. - Đường đi gian nan, đoàn người mệt lả, họ không giám thú nhận sự yếu hèn nên đã trút căm hờn và giận dữ vào Đan-kô trách rằng không biết dẫn họ đi đâu. - Quan sát những vẻ mặt của họ khiến Đan-kô bùng lên nỗi niềm phẫn nộ sục sôi, nhưng lòng lại thương hại mọi người. - Anh đưa hai tay lên xé toang lồng ngực, dứt trái tim ra và giơ cao lên đầu. Đoàn người sững sốt, đứng trơ ra như phỗng. - Đan-kô dẫn những người trong bộ lạc đi vào rừng sâu. - Họ dừng lại và bắt đầu kết tội Đan-kô. Hai bên cãi nhau, rừng cũng phải gầm lên. - Họ xông lên theo anh, họ chạy và mạnh bạo. Rừng giãn ra nhường lối cho anh. - Chàng Đan-kô bật lên tiếng cười tự hào, rồi gục xuống và chết. Đoàn người mãi vui sướng nên không hề để ý rằng anh đã chết. Một người nhìn thấy và giẫm lên trái tim của anh.

GV dẫn dắt, tìm hiểu nội dung tiếp.

2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Người kể chuyện

Mục tiêu:

- Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một chuyện kể.

Nội dung: HS trả lời câu hỏi 2/ SGK trang 82 thông qua phiếu bài tập 2.

Sản phẩm học tập: PBT 2 của HS

Tổ chức thực hiện:

- Giao NVHT: GV yêu cầu HS xác định người kể chuyện và vai trò của người kể chuyện.
 - Thực hiện NVHT: HS thực hiện NVHT
 - + Xác định người kể chuyện: HS làm việc cá nhân
 - + Vai trò của việc thay đổi người kể chuyện: HS làm việc theo cặp.
 - Báo cáo KQ:
 - + Đại diện nhóm HS trả lời.
 - Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện NVHT:
- GV ghi nhận ý kiến HS, và chốt ý.

Định hướng trả lời:

PBT 2. Người kể truyện			
TT	Từ câu ... đến câu ...	Là lời kể của ...	Ngôi kể thứ ...
1	Bà lão im lặng và nhìn ra thảo nguyên,... > Chỉ chờ trong giây lát.	Người kể chuyện xưng “tôi” (ngôi thứ nhất).	Sử dụng từ xưng “tôi”, gọi nhân vật là “bà lão”.
2	Từ “Danko dẫn họ đi. -> Trái tim tóe ra một loạt tia sáng, rồi tắt ngấm, ...”	Người kể chuyện là nhân vật “bà lão” (ngôi thứ ba).	Lời kể được đặt trong ngoặc kép với sự giới thiệu (lời dẫn) của người kể chuyện xưng “tôi”.
3	Từ Bây giờ khi bà lão kể xong câu chuyện truyền thuyết tuyệt đẹp của mình ... đến ... trí tưởng tượng của nhân loại đã sáng tạo nên biết bao nhiêu truyền thuyết đẹp đẽ và đầy khí phách.	Người kể chuyện xưng “tôi” (ngôi thứ nhất).	Sử dụng từ xưng “tôi”, gọi nhân vật là “bà lão”.

GV dẫn dắt, tìm hiểu nội dung tiếp.

Hoạt động 2: Yếu tố tưởng tượng trong các VB truyện khoa học viễn tưởng

Mục tiêu:

- Liên hệ, kết nối với văn bản Dòng “Sông đen”, Xưởng sô-cô-la để hiểu hơn về những chủ điểm Trong thế giới viễn tưởng.

Nội dung: HS trả lời câu hỏi 3/ SGK thông qua PBT 3.

Sản phẩm học tập: PBT, câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- Giao NVHT: GV giao nhiệm vụ, HS làm việc nhóm để so sánh yếu tố tưởng tượng trong các văn bản đã học.
- Thực hiện NVHT: HS thảo luận nhóm

- Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm HS trả lời.
- Đánh giá, nhận xét: Nhóm khác nhận xét, bổ sung kết quả (nếu có), GV chốt ý.

Định hướng trả lời:

Phiếu bài tập 3.		
Yếu tố	Văn bản truyện khoa học viễn tưởng Dòng “Sông Đen” và Xưởng Sô-cô-la	Văn bản Trái tim Danko
Không gian	- Không gian đáy biển, nhà máy sản xuất kẹo sô-cô-la với dòng sông sô-cô-la khổng lồ. Đây là không gian mang tính giả định nhưng vẫn có sự gắn kết với cuộc sống con người (đại dương, nhà máy sản xuất).	- Không gian rừng già, đầm lầy nguyên sinh gắn với huyền thoại về người anh hùng của bộ lạc. Đây là không gian chỉ tồn tại trong câu chuyện, không gắn liền với cuộc sống thực của con người trong thời điểm câu chuyện diễn ra.
Thời gian	- Xác định, rõ ràng, cụ thể về ngày tháng và diễn biến các sự kiện.	- Mơ hồ, không xác định, được bao phủ trong màn sương của huyền thoại, của kí ức xa xưa qua lời kể của bà lão I-dec-ghin.
Nhân vật	- Điểm chung của 2 VB là sự xuất hiện của kiểu nhân vật đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng: nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ. Bằng trí tưởng tượng, nhà văn đã xây dựng nên những nhân vật có khả năng tạo nên điều kì diệu, khác thường: + Nê-mô tạo ra tàu ngầm Nau-ti-lotx + Ông Quơn-cơ tạo ra nhà máy sô-cô-la. - Tuy nhiên, sự sáng tạo của hai nhân vật này vẫn dựa trên nền tảng là sự phát triển của khoa học công nghệ ở thời điểm mà câu chuyện ra đời. - VB Xưởng Sô-cô-la có sự xuất hiện nhân vật người tí hon, cũng là kiểu nhân vật của truyện khoa học viễn tưởng.	- Nhân vật người anh hùng Danko là nhân vật được xây dựng từ trí tưởng tượng. Tuy chi tiết “ánh lửa trên thảo nguyên trước cơn giông” được nhắc đến để giải thích cho ánh lửa của trái tim Danko nhưng nó vẫn là chi tiết hoang đường, huyền ảo, không có sự gắn kết với những bằng chứng khoa học trong thực tế. - Nhân vật kể chuyện trong VB
Chi tiết/ Hình ảnh	- Những hình ảnh trong VB truyện khoa học viễn tưởng như: con tàu Nau-ti-lotx, đáy biển, lòng sông và con thác sô-cô-la, cỏ, hoa vừa trồng làm cảnh vừa ăn được, người tí hon, ... là những hình ảnh mang tính chất giả tưởng nhưng nó vẫn dựa trên hình ảnh thực tế của khoa học, kĩ thuật thời hiện tại (tàu ngầm, xưởng sản xuất) và có khả năng sẽ được hiện thực hóa trong tương lai.	- Những hình ảnh: Danko xé toang lồng ngực, Danko lấy trái tim ra soi đường, trái tim cháy sáng như ánh đuốc, trái tim vẫn cháy khi Danko gục chết, trái tim bị giẫm lên vẫn bùng ánh lửa, ... là hình ảnh chỉ có trong trí tưởng tượng, không dựa trên yếu tố khoa học kĩ thuật, càng không có khả năng biến thành hiện thực trong tương lai.

3. TỔNG KẾT, Củng cố

Mục tiêu: củng cố nội dung bài học

Nội dung: câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

Sản phẩm: câu trả lời của HS

Tổ chức thực hiện: (Hoạt động cá nhân)

- Giao NVHT:

- Thực hiện NVHT:
- Báo cáo NVHT:
- Câu hỏi trắc nghiệm:

Đọc mở rộng theo thể loại
MỘT NGÀY CỦA ICH-CHI-AN
– Alexander Romanovich Belyaev–

1. MỤC TIÊU

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.
- Liên hệ, kết nối với những VB trước để hiểu hơn về chủ đề *Trong thế giới viễn tưởng.*

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? GV cho HS tưởng tượng mình có thể sống ở dưới biển và nêu những việc sẽ làm khi được sống dưới biển.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS.

GV dẫn vào bài mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
a) Mục tiêu: Giúp HS biết về tác giả và văn bản . b) Nội dung: - GV cung cấp thông tin để HS đọc văn bản và đặt câu hỏi . - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi. - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà (Giao nhiệm vụ từ tiết trước).	- Alexander Romanovich Belyaev - Là nhà văn Nga. - Chuyên viết tiểu thuyết khoa học viễn tưởng.

? Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu vài nét khái quát về tác giả? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	- Các tác phẩm mà ông viết khoảng những năm 1920 và 1930 khiến ông được đánh giá cao trong thể loại tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Liên Xô.
2. Tác phẩm	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Đọc và tìm hiểu chú thích - Biết được xuất xứ của văn bản b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
a) Đọc và tìm hiểu chú thích B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ? Xác định thể loại và chỉ ra xuất xứ của văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2' GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS . B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.	a) Đọc và tìm hiểu văn bản - HS đọc đúng. b) Tìm hiểu chung - Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng - Xuất xứ: Trích trong truyện “ Người cá”

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	
--	--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Điểm đặc của truyện khoa học viễn tưởng trong văn bản

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những điểm của truyện khoa học viễn tưởng trong văn bản.
- Đánh giá hiệu quả nghệ thuật.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm theo KT khăn phủ bàn.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò

Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chia nhóm.
- Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:

Đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng	Thể hiện trong Một ngày của Ích- chi- an
Đề tài	
Tình huống	
Sự kiện	
Nhân vật	
Không gian	
Thời gian	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Làm việc cá nhân 2' (đọc SGK, tìm chi tiết)
- Làm việc nhóm 3' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

-Đề tài : Khoa học thay đổi tiềm năng của một con người

-Tình huống: Ích-chi-an được phẫu thuật thành người cá, có khả năng lặn và sống dưới đáy biển.

-Sự kiện:

+ Ích-chi-an bơi theo dòng hải lưu ra biển.

+Ích-chi-an vui đùa cùng những chú cá, thưởng thức vẻ đẹp của biển.

+Ích-chi-an cứu những chú cá bị đánh dạt vào bờ biển sau cơn bão.

-Nhân vật : Ích-chi-an

-Không gian: Đáy biển, mặt biển, bờ biển

-Thời gian: Một ngày của người cá ở đáy biển

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.							
2. Phản hồi việc dùng khoa học để thay đổi số phận con người							
a) Mục tiêu: Giúp HS							
- Học sinh đưa ra được lí do hợp lí, thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình .							
- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.							
b) Nội dung:							
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.							
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)							
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.							
d) Tổ chức thực hiện							
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	- Ý kiến 1:						
- Chia nhóm.	Việc sử dụng khoa học để biến một người bình thường thành người cá trong trường hợp này là nên vì:						
- Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:	- Nếu không có cuộc phẫu thuật và sự can thiệp của khoa học từ bác sĩ Xan- van- tô, Ích-chi-an sẽ chết. Sinh mạng con người là đáng quý, nên vào thời điểm đó bác sĩ không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc biến anh thành người cá.						
<table border="1"><tr><td></td><td>NÊN</td><td>KHÔNG NÊN</td></tr><tr><td>Lí do</td><td></td><td></td></tr></table>		NÊN	KHÔNG NÊN	Lí do			- Ích-chi-an có khả năng đặc biệt của người cá, nhờ đó, anh mới được trải nghiệm cuộc sống trong lòng biển cả, mới làm bạn được với các chú cá và cứu sống chúng sau cơn bão.
	NÊN	KHÔNG NÊN					
Lí do							
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:	- Ý kiến 2:						
- Làm việc cá nhân tại nhà và dự kiến kết quả làm việc của bản thân vào giấy note.	Việc sử dụng khoa học để biến một người bình thường thành người cá trong trường hợp này là không nên vì:						
- Thảo luận nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).	- Cuộc phẫu thuật đã khiến Ích-chi-an vừa thở được bằng phổi, vừa thở được bằng mang. Do đó, anh không thể sống mãi trên cạn như người bình thường .Mọi sự khác biệt quá lớn sẽ không mang đến hạnh phúc. Do Ích-chi-an khác người bình thường nên anh phải sống cuộc đời cô độc, không được gần người mình yêu.						
GV: Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà vào cuối tiết hôm trước để HS chuẩn bị.	- Cuộc phẫu thuật tạo nên nguy cơ lạm dụng tiến bộ của khoa học kĩ thuật vào mục đích xấu (ví dụ như						
Dự kiến KK: câu hỏi số 2							
B3: Báo cáo, thảo luận							
GV:							
- Yêu cầu HS trình bày.							
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).							
HS							
- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.							
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).							
B4: Kết luận, nhận định (GV)							
- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.							
Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.							

	Ích-chi-an bị lợi dụng năng lực của người cá để mò ngọc trai, khai thác tài nguyên biển) .
--	--

3. Tổng kết

- a) Mục tiêu:** Giúp HS
- Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản
- b) Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời
- c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV phát phiếu học tập 3 cho Hs & giao nhiệm vụ

Nội dung	Nghệ thuật

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Làm việc cá nhân 2' để hoàn thành phiếu học tập
- GV:** Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà vào cuối tiết hôm trước để HS chuẩn bị.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định một vài HS chia sẻ vài tập đã chuẩn bị ở nhà trước lớp.
- Các HS quan sát, lắng nghe. Nhận xét và bổ sung cho bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.
- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

1. Nghệ thuật

- Truyện khoa học viễn tưởng với nội dung hấp dẫn, sinh động.

2. Nội dung

- Kể về một ngày đầy thú vị, kì lạ của Ích- chi- an và tình yêu mà Ích- chi- an dành cho biển cả, cho các loài sinh vật biển.

Hoạt động 3: Luyện tập / Vận dụng

- a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

- b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

- c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

- d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

Từ tình yêu mà Ích-chi-an dành cho biển cả, cho các loài sinh vật biển, em hãy thiết kế áp-phích trình bày các hành động cụ thể mà em và các bạn có thể thực hiện để bảo vệ vẻ đẹp của biển.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).
- Dẫn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH VÀ TRẠNG NGỮ TRONG CÂU

BẢNG CỤM TỪ

(Thời gian 2 tiết)

1. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Ôn tập kiến thức về cụm từ và cấu tạo của cụm từ.
- Cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.
- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

2. Năng lực:

Giúp học sinh:

- Nhận biết các thành phần chính, phụ được mở rộng trong câu
- Nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính trong câu bằng cụm từ.
- Biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

3. Phẩm chất:

- Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách đặt câu của Tiếng Việt.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.
- Phiếu học tập.
- Bảng kiểm.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.
- HS xác định được mục tiêu của bài học.

2. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” thời gian 5 phút, GV đặt câu hỏi.

3. Sản phẩm: Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm với nội dung xoay quanh kiến thức về cụm từ đã được học ở lớp 6; kiến thức về các thành phần trong câu.

- GV yêu cầu HS trả lời bằng cách chọn đáp án (đối với trắc nghiệm), và chỉ ra các thành phần trong câu đối với câu hỏi tự luận.

?Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:- Đọc các câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

- HS chọn đáp án đúng về kiến thức cũ.

- HS xác định CN, VN của câu. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:-Trình bày kết quả làm việc.

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. HS nêu lại yêu cầu cần đạt của tiết học.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

1. Cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ

a. Mục tiêu: Giúp HS:Hiểu các cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

b. Nội dung:

Nội dung: - GV chia nhóm cặp đôi

- HS làm việc cá nhân 2', thảo luận 3' và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.

c. Sản phẩm: kết quả thảo luận, câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu HS đọc sgk thảo luận theo cặp đôi sau đó tìm chỉ ra các thành phần được mở rộng, xác định cách thức mở rộng của từ, cụm từ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn. B3. Báo cáo thảo luận: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4. Kết luận, nhận định: - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	Các cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ: - Biến CN, VN và TN trong câu từ 1 từ thành 1 cụm từ. - Biến CN, VN và TN trong câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ phức tạp có những thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

2. Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

a. Mục tiêu: Giúp HS: Nhận biết được tác dụng của việc cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

b. Nội dung: Hs hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Ý kiến cá nhân dưới sự nhận xét của HS khác và sự hướng dẫn của GV.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: -Hs theo dõi ví dụ trên máy chiếu. ?Xác định chủ ngữ và vị ngữ của câu. ?HS thực hiện việc mở rộng các thành phần chính và trạng ngữ trong câu.	

? HS so sánh nghĩa của câu có thành phần chính và trạng ngữ trước và sau khi mở rộng để rút ra tác dụng của việc mở rộng câu bằng một cụm từ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần) B3. Báo cáo thảo luận: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4. Kết luận, nhận định: - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ: làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.
--	--

HD 3. Luyện tập

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu: Giúp HS:

- Củng cố, vận dụng lí thuyết tiếng việt vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu của các văn bản đọc hiểu.

- Biết cách viết câu dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu.

Nội dung:

Làm bài tập 1, 2, 3,4 trong SGK trang 83, 84

2. Sản phẩm: Cá nhân, sản phẩm nhóm.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Gv tổ chức HS hoạt động theo nhóm. Thực hiện yêu cầu bài tập 1.	Bài tập 1 - a1 và a2. Mở rộng chủ ngữ thành cụm từ: <i>Chàng Đan-kô can trường và kiên hãnh.</i>

- GV hướng dẫn HS tham gia cuộc thi “Khăn trải bàn mở rộng”. - Xác định thành phần được mở rộng trong các cặp câu. -So sánh để rút ra nhận xét về sự khác biệt về thông tin giữa các cặp câu. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và xác định thành phần được mở rộng trong từng cặp câu. So sánh thông tin giữa các cặp câu. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. Bài tập 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên cho HS đọc xác định yêu cầu của bài tập 2. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ hoàn thành yêu cầu bài tập. B3: Báo cáo, thảo luận:	→ Làm rõ đặc điểm tính cách Đan-kô. - b1 và b2. Mở rộng trạng ngữ thành cụm từ: <i>Đến cửa sổ nhà Đào</i> → Làm rõ địa điểm cụ thể. c1 và c2. Mở rộng trạng ngữ thành các cụm từ: <i>giữa tiếng gầm gào đăc thẳng của rừng rú, trong bóng tối run rẩy</i>; mở rộng chủ ngữ thành cụm từ: <i>những con người dữ tợn và mệt mỏi ấy</i> → Làm rõ địa điểm, khung cảnh; làm rõ đặc điểm trạng thái tinh thần. d1 và d2. Mở rộng vị ngữ thành cụm từ: <i>một thung lũng rất đẹp với những đồng cỏ xanh rờn hai bên</i> → Làm rõ đặc điểm, tính chất của khung cảnh. đ1 và đ2. mở rộng vị ngữ thành cụm từ: <i>chú ong lạc đường mà cô đã bỏ quên ở ngoài cửa, khi cô vào trong nhà.</i> → Làm rõ thông tin về chú ong. Bài tập 2 - a. Trạng ngữ: Nhìn qua ô cửa Chủ ngữ: ta Vị ngữ: có cảm tưởng như đứng trước một bể nuôi cá khổng lồ. - b. Chủ ngữ: trái tim Vị ngữ: chói sáng rực như mặt trời, sáng hơn mặt trời, và cả khu rừng im lặng, sáng lên dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người. - c. Trạng ngữ: dưới ánh hoàng hôn
--	---

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

Bài tập 3

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS, bài tập 3: GV cho HS làm việc theo hình thức cặp đôi. HS làm việc cá nhân 3phút, thảo luận thống nhất kết quả của nhóm 3 phút.

Câu phần được mở rộng	Câu sau khi mở rộng	Tác dụng của việc mở rộng
--------------------------------	------------------------------	------------------------------------

- GV phát phiếu học tập.
B2: Thực hiện nhiệm vụ

Chủ ngữ: chiều, sông.

Vị ngữ: đã về chiều, đỏ như dòng máu nóng hổi phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đan-kô.

➔ Nếu chúng ta bỏ bớt các cụm từ "không lồ" ở câu a, "dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người" ở câu b, "phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đan-kô" ở câu c thì ý nghĩa của các câu trên sẽ thay đổi, các đối tượng miêu tả sẽ không được làm rõ về các đặc điểm, tính chất.

Bài tập 3

a. Trời mưa lát phất. (vị ngữ)
→ Cụ thể hoá cấp độ của cơn mưa.

b. Chú mèo mướp đang nằm ngủ ngon lành. (chủ ngữ)

→ Làm rõ chủng loại của chú mèo.

c. Dưới ánh trăng huyền ảo, cảnh vật trông thật đẹp. (trang ngữ)

→ Làm rõ đặc điểm về vẻ đẹp của ánh trăng.

-HS suy nghĩ thực hiện, thống nhất kết quả của nhóm vào phiếu học tập. -GV theo dõi hỗ trợ các nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của nhóm mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của nhóm khác (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá bài làm của các nhóm bằng điểm số. Bài tập 4: B1: Chuyển giao nhiệm vụ. - Hs đọc và xác định yêu cầu bài tập. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu bài tập. Thời gian 7 phút. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ HS. B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả bài làm của HS.	Bài tập 4: - Biện pháp tu từ nhân hoá (<i>cái mồm hôi thối của đầm lầy</i>) → làm sinh động hoá hình ảnh cái đầm lầy. - Biện pháp tu từ so sánh (<i>Cây cối được ánh chớp lạnh lẽo rọi sáng, nom như những vật sống, ...</i>) → giúp cho khung cảnh được tái hiện lại một cách cụ thể, sinh động hơn.
---	--

Hoạt động 4: Vận dụng

Viết đoạn văn ngắn

- Mục tiêu:** HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kỹ năng từ việc học đọc với việc học Tiếng Việt của bài học vào việc viết đoạn văn ngắn.
- Nội dung:** HS về nhà làm bài tập và GV sẽ kiểm tra, đánh giá ở tiết học viết

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm										
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập. GV hướng dẫn HS viết đoạn văn và đánh giá sản phẩm của các bạn bằng bảng kiểm sau: <table><tr><th>Tiêu chí</th><th>Đạt/ chưa đạt</th></tr><tr><td>1.Sử dụng đúng ngôi kể.</td><td></td></tr><tr><td>2. Nội dung bài học phù hợp với văn bản.</td><td></td></tr><tr><td>3. Sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ.</td><td></td></tr><tr><td>4. Hình thức đoạn văn khoảng (150 đến 200 chữ).</td><td></td></tr></table>	Tiêu chí	Đạt/ chưa đạt	1.Sử dụng đúng ngôi kể.		2. Nội dung bài học phù hợp với văn bản.		3. Sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ.		4. Hình thức đoạn văn khoảng (150 đến 200 chữ).		- Bài làm của HS và phần trình bày trên lớp.
Tiêu chí	Đạt/ chưa đạt										
1.Sử dụng đúng ngôi kể.											
2. Nội dung bài học phù hợp với văn bản.											
3. Sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ.											
4. Hình thức đoạn văn khoảng (150 đến 200 chữ).											
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà hoàn thành đoạn văn theo các tiêu chí trên. B3. Báo cáo thảo luận: Hs trình bày kết quả bài làm ở tiết viết. B4: Kết luận, nhận định: - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.											

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN

VIẾT

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS biết viết đoạn văn tóm tắt văn bản đảm bảo theo đúng các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, thu thập tư liệu; tìm ý và lập dàn ý; viết đoạn, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).
- HS biết cách lựa chọn, nắm vững các sự kiện chính, chi tiết chính, luận điểm chính trong một văn bản cụ thể.

2. Về năng lực:

- Dẫn hoàn thiện kĩ năng đọc hiểu
- Bắt đầu biết viết đoạn văn tóm tắt VB theo yêu cầu cụ thể.
- Nắm chắc và hiểu rõ nội dung, nghệ thuật của một văn bản tiến tới quá trình giải thích, vận dụng, phân tích, đánh giá VB đó.

3. Về phẩm chất:

- Thận trọng, kĩ càng khi đọc, hiểu VB.
- Tôn trọng sự thật.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Dựa vào bài Tóm tắt VB “Con muốn làm một cái cây” SGK/89, em hãy hoàn thành theo hiểu biết của mình bằng cách trả lời vào cột bên phải các câu hỏi ở cột bên trái.

Đặc điểm/ yêu cầu của kiểu bài	Tóm tắt văn bản “Con muốn làm một cái cây” (Vũ Thu Hương – NV6, t2)
1. Giới thiệu được nhan đề và tác giả của văn bản	

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI

a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS khắc sâu các yêu cầu đối với đoạn văn tóm tắt VB.

b) Nội dung:

- Đọc lại truyện “Con muốn làm một cái cây” (SGK lớp 6 HKII)
- Huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS.
- Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò

Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Sử dụng phiếu học tập số 1. (phát cho HS và chiếu lên màn hình) GV: Giới thiệu nội dung phiếu học tập là đặc điểm cần ghi nhớ khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản. - Yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1. ? Đoạn văn tóm tắt văn bản “Con muốn làm một cái cây” có giới thiệu được nhan đề và tác phẩm cần tóm tắt? ? Đảm bảo độ dài của một VB tóm tắt ? Đảm bảo được nội dung chính của VB ? Trình bày ngắn gọn, đầy đủ các thông tin: bối cảnh, nhân vật, sự kiện chính và các chi tiết qua trọng trong truyện “Con muốn làm một cái cây” B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát và nhớ lại kiến thức ở văn bản “<i>Con muốn làm một cái cây</i>” suy nghĩ cá nhân và hoàn thành phiếu học tập. GV: Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thành. B3: Báo cáo, thảo luận - GV mời HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. - HS trả lời, nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS. - GV kết nối dẫn dắt HS chuyển qua mục tìm hiểu các yêu cầu đối với một đoạn văn tóm tắt VB: Trong cuộc sống cũng như quá trình học tập, chúng ta phải đọc rất nhiều văn bản khác nhau. Vậy làm sao để có thể nhớ chúng một cách tốt nhất, đòi hỏi chúng ta phải biết tóm tắt ngắn gọn những nội dung, sự việc chính của một văn bản. Vậy bài học viết một văn bản tóm tắt vô cùng thiết thực, giúp ta cảm thấy việc đọc và nhớ một văn bản nào đó trở nên dễ dàng hơn.	* Có: - Nhan đề “Con muốn làm một cái cây” - Tác giả Vũ Thu Hương *VB tóm tắt nên có độ dài từ 7-10 câu *VB tóm tắt đảm bảo được nội dung chính của VB gốc: Kể về chú bé Bum đáng yêu, tình cảm, được ông nội tặng một cây ổi khi còn ở trong bụng mẹ. *Trình bày ngắn gọn, đầy đủ các thông tin: - Bối cảnh: Ngôi nhà của Bum trên SG - Nhân vật: Bum, ông nội, ba mẹ, các bạn, cô giáo. - Sự kiện chính, chi tiết chính: + Khi Bum chưa ra đời + Khi Bum lớn lên và kỉ niệm bên cây ổi + Khi ông nội mất và gia đình Bum chuyển về Vũng Tàu
---	---

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU VỀ ĐẶC ĐIỂM ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN
a) Mục tiêu: - HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn tóm tắt VB b) Nội dung: - GV chia nhóm lớp. - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập.

- HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm bàn để cùng trả lời câu hỏi. ? Theo em, một đoạn văn tóm tắt VB cần đáp ứng những yêu cầu gì? *Gợi mở: ? Từ nội dung vừa tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là đoạn văn tóm tắt VB. ? Yêu cầu của đoạn văn tóm tắt VB? ? Cấu trúc của đoạn văn tóm tắt VB như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi và rút ra nội dung bài học. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trao đổi ý kiến với bạn cùng bàn. HS: - Trao đổi, thảo luận với bạn và trả lời câu hỏi. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét các câu trả lời của HS và rút ra nội dung kiến thức của bài học. - GV kết nối, dẫn dắt HS chuyển qua nội dung đọc và phân tích một bài viết tham khảo thuật lại sự kiện Hội khỏe Phù Đổng của trường em.	I. ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN 1. Thế nào là đoạn văn tóm tắt VB - Đoạn văn tóm tắt VB được viết để trình bày ngắn gọn ý chính được nêu trong VB. Việc viết đoạn văn tóm tắt VB giúp chúng ta nhận ra nội dung chính của VB. 2. Yêu cầu của đoạn văn tóm tắt VB - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn. - Tóm tắt các ý chính của VB gốc. - Đảm bảo yêu cầu về độ dài của đoạn văn. - Đảm bảo nội dung chính của VB 3. Cấu trúc của đoạn văn tóm tắt VB: gồm 2 phần - Giới thiệu nhan đề và tác giả của VB cần tóm tắt. - Trình bày ngắn gọn các ý lớn, ý bổ trợ được nêu trong VB

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Em hãy viết đoạn văn (150 - 200 chữ) để tóm tắt một VB nghị luận hoặc một truyện ngắn mà em thích.

Đặc điểm/ yêu cầu của kiểu bài	Tóm tắt văn bản
1. Em chọn văn bản nào để tóm tắt? Vì sao? Nêu tên tác giả của văn bản cần tóm tắt	
2. Độ dài của một VB tóm tắt em viết là bao nhiêu câu/chữ?	

THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC
a) Mục tiêu: Giúp HS - Nắm được cách viết đoạn văn tóm tắt văn bản theo các bước. - Lựa chọn văn bản để tóm tắt đúng yêu cầu. - Lựa chọn sự việc/luận điểm để viết, tìm ý, lập dàn ý. - Thành thạo cách viết một đoạn văn tóm tắt. b) Nội dung: - GV sử dụng kỹ thuật công não để hỏi HS về việc lựa chọn sự việc/luận điểm chính. - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS và bài viết thực hành đoạn văn tóm tắt văn bản.

d) Tổ chức thực hiện:

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Đề bài: Em hãy viết đoạn văn (150 - 200 chữ) để tóm tắt một VB nghị luận hoặc một truyện ngắn mà em thích. ? Kể tên những truyện ngắn hoặc văn bản nghị luận mà em thích? - GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài viết của mình qua phiếu học tập tìm ý tưởng. (PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2, đã giao) *Gợi ý lựa chọn VB gốc để tóm tắt: + Văn bản em yêu thích + Văn bản em đã đọc kĩ và nắm vững + Có liên quan đến chủ đề yêu cầu (nếu có) + Xác định VB đó là truyện hay văn NL - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS xác định đề tài, mục đích, thu thập tự liệu. (?Em nên lựa chọn văn bản nào? ? Em có nhớ đầy đủ các sự việc/ luận điểm của VB đó không? ? Nếu không đầy đủ, em có thể tìm thông tin từ đâu? ? Sự việc, chi tiết/luận điểm nào quan trọng nhất trong bài? ? Em viết đoạn văn tóm tắt nhằm mục đích gì? ? Người đọc văn bản tóm tắt này có thể là ai? Họ muốn biết những gì về VB gốc?) - Yêu cầu một vài HS trình bày những gì đã viết hoặc đang cân nhắc. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK/90-91 và lựa chọn đề tài. - Trả lời câu hỏi. - Tìm ý bằng việc hoàn thành phiếu bài tập. - Trình bày ý tưởng sắp viết hoặc đang còn cân nhắc. - GV: hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm thông tin đã chuẩn bị, các ý tưởng sắp xếp thể hiện những ý tưởng thành dàn bài (có thể dùng sơ đồ tư duy, sơ đồ chuỗi, 5W1H, để phát họa dàn ý ...) - Chia sẻ bài làm của mình và để góp ý cho nhau. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn và nhìn vào bảng kiểm trong SGK để viết đoạn. - Viết bài theo ý tưởng, dàn ý đã xây dựng. - GV quan sát và giúp đỡ HS trong quá trình viết. - Tùy vào thời gian, HS có thể làm trên lớp hoặc hoàn chỉnh xong bài khi về nhà. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. HS:	II. LUYỆN VIẾT Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Xác định đề tài: Lựa chọn văn bản truyện/ văn bản nghị luận Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý - Xác định các sự việc/luận điểm chính, các chi tiết quan trọng trong VB và trình bày mối quan hệ giữa các yếu tố này. -Sắp xếp các sự kiện/luận điểm chính theo trình tự hợp lí. (theo gợi ý sgk/91) Bước 3: Viết đoạn - Dựa vào dàn ý, viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. - Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn, về độ dài của đoạn. Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ - Đọc lại bản thảo của cá nhân, tự kiểm tra, điều chỉnh nội dung cấu trúc của bài. - Rút kinh nghiệm - Chia sẻ bài cùng các bạn.

- Đọc sản phẩm của mình, của bạn trao đổi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). - Trình bày những gì đã làm được từ đoạn văn của bản thân và những gì đã học hỏi được từ bạn về cách viết đoạn văn tóm tắt. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả bài viết của HS. - Hướng dẫn HS dùng <i>Bảng kiểm đoạn văn tóm tắt VB</i> để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (tùy thời gian có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà). - Nộp bài cho GV xem và sửa chữa, nhận xét. (nếu cần) * Chuyển ý dẫn sang mục sau.	
---	--

BẢNG KIỂM ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN

Nội dung kiểm tra	Đạt/	Chưa đạt
Giới thiệu nhan đề và tác giả của VB cần tóm tắt		
Trình bày đầy đủ, ngắn gọn các sự việc chính và các chi tiết quan trọng trong VB		
Đảm bảo hình thức đoạn văn		
Đảm bảo yêu cầu về độ dài của đoạn văn		

TRẢ BÀI	
Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét đoạn \ của bạn. - HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV)	- Đoạn văn đã được sửa của HS

HD 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Viết đoạn văn tóm tắt VB “Một ngày của Ích-chi-an”

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS liệt kê các sự việc trong lễ hội đó.
- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, hoạt động của VB.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HD 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hãy viết đoạn văn tóm tắt một truyện ngắn đã học.

Bài tập 2: Em hãy làm 1 video clip tóm tắt bằng hình ảnh + âm thanh tác phẩm truyện mà em yêu thích. (thực hiện ở nhà nộp cho gv qua nhóm zalo)

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 và 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống nhóm group zalo, mail, ...

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI

(2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được vấn đề chính của một cuộc thảo luận .
- Có những nhận định về đúng/sai, hay/dở riêng cho bản thân.
- Biết cách lập ý, tìm ý để bảo vệ ý kiến.

2. Về năng lực:

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân.
- Xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên.
- Biết đưa ra các ý kiến để giải quyết.
- Rèn khả năng hợp tác, thỏa hiệp để đi đến thống nhất vì mục tiêu chung.
- Biết cách nói và nghe phù hợp.

3. Về phẩm chất:

- Tôn trọng những ý kiến khác biệt,

- Biết lắng nghe và thay đổi cách nghĩ, cách làm.
- Tôn trọng tập thể.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

<https://laodong.vn/video/y-kien-trai-chieu-xoay-quanh-viec-hoc-sinh-lop-1-2-kiem-tra-truc-tiep-984404.ldo>

- HS quan sát video, lắng nghe những trải nghiệm của bạn, từ đó đóng góp ý kiến hoàn thiện bài.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một vấn đề có những ý kiến trái chiều cần có hướng giải quyết thống nhất và hợp lí

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Các nhân vật trong đoạn video đang gặp khó khăn vì vấn đề gì? Vì sao có những người đồng tình? Vì sao những người khác không đồng tình? Hướng giải quyết sẽ như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

Thành lập nhóm và phân công công việc	
Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói Nội dung: - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS - HS trả lời câu hỏi của GV	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? ? GV chia nhóm lớp hoạt động thảo luận? ? HS chọn một trong các đề tài như ở SGK/92 B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS của lớp phân theo nhóm bầu ra nhóm trưởng. - Dự kiến KH: Lớp chia thành 5 nhóm ứng với 5 chủ đề như SGK CĐ 1: Nhân vật thuyền trưởng Nê-mô có phải là người xấu? CĐ 2: Cách ứng xử của Nét Len với thuyền trưởng Nê-mô có thể hiện sự vô ơn với ân nhân đã cứu tính mạng mình? CĐ 3: Ông Quơn-cơ có sai không khi cố tình thử thách năm đứa trẻ lúc tham quan nhà máy sô-cô-la với ý đồ chọn người thắng cuộc để trao tặng nhà máy? CĐ 4: Ích-chi-an là người may mắn được trao năng lực làm người cá hay là người bất hạnh? CĐ 5: Bác sĩ Xan-va-tô là nhà khoa học tài năng hay là một tên tội phạm Nhóm trưởng sẽ chia nhóm thành 2 nhóm nhỏ, những ai cùng quan điểm sẽ về chung 1 nhóm nhỏ. ? Nhóm em sẽ nói về nội dung gì? ? Vì sao em đồng tình/ không đồng tình? Nêu các lí lẽ và bằng chứng B3: Thảo luận, báo cáo - HS trình bày kết quả đã thảo luận của nhóm. - Thư kí ghi chép và tổng hợp các ý kiến theo mẫu SGK/93 - Phản hồi ý kiến: Lắng nghe và phân tích những điểm hợp lí và chưa hợp lí. - Thống nhất ý kiến: Việc tranh luận về nhân vật có thể không đi đến kết luận cuối cùng là ai đúng ai sai, điều quan trọng là mỗi ý kiến tranh luận phải dựa trên bằng chứng và lập luận chặt chẽ thuyết phục được nhiều thành viên trong nhóm ủng hộ, đồng tình. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét phần trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn.	1. Chuẩn bị - Thành lập nhóm và phân công công việc + nhóm nhỏ 1: Đồng tình + nhóm nhỏ 2: Không đồng tình - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận: + HS đọc lại VB, tìm hiểu kĩ nhân vật, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm CĐ :..... Lí lẽ:..... Bằng chứng 1:..... - Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận 2. Tập luyện - Đại diện nhóm sẽ trình bày ý kiến thống nhất của nhóm mình dựa trên những lí lẽ, dẫn chứng mà các nhóm đã tranh luận, phản biện. - HS tập nói một mình trước gương. - HS tập nói trước nhóm/tổ.

TRÌNH BÀY NÓI
Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. Nội dung: GV yêu cầu :

- HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 - 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói, trình bày trước cả lớp. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (ý kiến của bản thân về vấn đề được nói đến). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, trao đổi, thảo luận, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau - Nhận xét của HS

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập 1: Việc ghi chép bài học môn Ngữ văn có thật sự cần thiết?

Bài tập 2: Điểm số có thật sự quyết định năng lực học tập của bạn?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi, bày tỏ ý kiến; tìm kiếm lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến
- HS liệt kê một số việc giúp học tốt môn Ngữ văn như (luyện đọc nhiều, tập trung và dành thời gian đọc lại, tập trung nghe và tránh làm việc riêng và ghi chép bài đầy đủ, gạch dưới ý chính và sử dụng sơ đồ tư duy...)

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HD 4: củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy tìm thêm một số đề tài/chủ đề có thể gây tranh cãi và hãy tìm những lí lẽ để thuyết phục người khác về ý kiến của mình về một trong các vấn đề đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

ÔN TẬP

Thời gian: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được các đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.
- Biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.
- HS nắm được những lưu ý khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản.
- HS biết cách trình bày những kinh nghiệm rút ra sau tiết nói và nghe.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức về thể loại truyện khoa học viễn tưởng

a) **Mục tiêu:** HS nắm được đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

b) **Nội dung:**

- Hs trả lời câu hỏi 1,
- Các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi 2.

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: - Hs đọc và trả lời câu hỏi: 1,2 Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, chốt ý	I. Ôn tập 1. Ôn tập phần tri thức ngữ văn và đọc. Câu 1: Những đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng: - Đề tài: đa dạng, phong phú thường gắn với các phát minh khoa học, công nghệ như: chế tạo được liệu, khám phá đầy đại dương, du hành vũ trụ,... - Cốt truyện: thường được xây dựng dựa trên các sự việc giả tưởng liên quan đến các thành tựu khoa học. - Tình huống truyện: tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn hay mâu thuẫn cần phải giải quyết trong thế giới giả tưởng. - Sự kiện: thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại và những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định. - Nhân vật: trong truyện thường xuất hiện các nhân vật như người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường, những nhà khoa học, nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ. - Không gian, thời gian: mang tính giả định, chẳng hạn thời gian trộn lẫn từ quá khứ, hiện tại và tương lai; không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển,... Câu hỏi 2: *Văn bản : Dòng sông đen - Đề tài: Những ngày đầu của hành trình hai vạn dặm dưới biển trên con tàu Nau-ti-lux. - Nhân vật: Giáo sư A-rô-nắc, Nét-len, Công-xây.

	- Sự kiện: Cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nắc và Nét-len trong con Nau-ti-lux của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương - Không gian: Dưới đáy đại dương - Thời gian: Giả định *Văn bản : Xưởng Sô- cô-la - Đề tài: Hành trình khám phá xưởng sản xuất sô-cô-la bên trong nhà máy. - Nhân vật: Sác-li, ông nội Châu, ông Quơn-cơ. - Sự kiện: Khi Sác-li đi tham quan nhà máy sản xuất kẹo sô-cô-la mà cậu được chứng kiến những điều kì diệu, thú vị bên trong đó. - Không gian: Trong nhà máy - Thời gian: Giả định *Văn bản : Một ngày có ích của Ích-chi-an - Đề tài: Cuộc dạo chơi của Ích-chi-an khi xuống nước là người cá. - Nhân vật: Ích-chi-an - Sự kiện: + Các cách mà Ích-chi-an làm quen với chính đuôi cá của mình. + Những khoảnh khắc mà Ích-chi-an quan sát. Anh rong chơi với những đám cá con. + Ích-chi-an tập thể dục. - Không gian: Dưới biển - Thời gian: Giả định
--	---

Hoạt động 2: Thực hành Tiếng Việt

a) **Mục tiêu:** HS biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

b) **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi 3

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 3 - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. Bước 4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, chốt	3. Ôn tập phần thực hành Tiếng Việt Câu 3: a. Mưa rơi rả rích. b. Dưới hàng cây rợp bóng mát, những đứa trẻ đang nô đùa.

Hoạt động 3: Viết

a) **Mục tiêu:** HS nắm được những lưu ý khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản.

b) **Nội dung:** hs trả lời câu hỏi 4

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 4	4. Viết Câu 4:

- HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. Bước 4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, chốt	Khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản, em cần lưu ý những điều sau: - Cần giới thiệu được nhan đề và tác giả của văn bản cần tóm tắt. - Trình bày đầy đủ, ngắn gọn các sự kiện chính và các chi tiết quan trọng trong văn bản. - Đảm bảo hình thức là một đoạn văn. - Đảm bảo yêu cầu về độ dài đoạn văn.
---	---

Hoạt động 3: Nói và nghe

a) **Mục tiêu:** HS biết cách trình bày những kinh nghiệm rút ra sau tiết nói và nghe.

b) **Nội dung:** hs trả lời câu hỏi 5

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 5 - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. Bước 4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, chốt	5. Ôn tập phần nói và nghe Câu 5: - Tranh luận với bạn: nghiêm túc lắng nghe và cần tôn trọng các ý kiến của bạn, bảo vệ ý kiến của mình với thái độ xây dựng và cần có cử chỉ, lời nói hợp lí. - Cách trình bày ý kiến: đưa ra những ý kiến có bằng chứng, lí lẽ thuyết phục, bảo vệ được ý kiến của mình trước sự phản bác của các thành viên khác trong nhóm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 6 - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. Bước 4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, chốt	Câu 6: Đối với mỗi chúng ta, gia đình có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta lớn lên trong sự yêu thương, bảo vệ và che chở của gia đình. Gia đình còn là điểm tựa cho cuộc sống của mỗi con người.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Đáp án 1- A

- Gv tổ chức trò chơi giúp ong về tổ

- HS thực hiện nhiệm vụ

CÂU 1: Chủ đề của bài 9 là gì?

A. Trong thế giới viễn tưởng .

B. Những góc nhìn văn chương.

C. Những góc nhìn cuộc sống.

D. Cuộc sống muôn màu.

CÂU 2: Truyện khoa học viễn tưởng là loại truyện:

A. Dựa trên những điều có thật

B. Hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định.

C. Dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả.

D. Hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định, dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả.

CÂU 3: Các đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng là:

A. Đề tài, cốt truyện, sự kiện, không gian, thời gian.

B. Đề tài, cốt truyện, tình huống truyện, sự kiện, nhân vật, không gian, thời gian.

C. Đề tài, cốt truyện, không gian, thời gian.

D. Đề tài, tình huống truyện, sự kiện, không gian, thời gian.

.

2- D

3- B